

BIỂU PHÍ DỊCH VỤ TÀI KHOẢN TIỀN GỬI TIẾT KIỆM/
TIỀN GỬI CÓ KỲ HẠN/ GIẤY TỜ CÓ GIÁ
ÁP DỤNG CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN
(có hiệu lực thi hành từ ngày 01/10/2018)

DỊCH VỤ		MỨC PHÍ
1. Nộp tiền	Nộp chuyển khoản	Miễn phí
	Nộp tiền mặt	Nộp VND: Miễn phí Nộp ngoại tệ: <ul style="list-style-type: none"> ▪ Nộp ngoại tệ nhỏ lẻ từ 50 tờ trở lên: 2%, Tối thiểu: 2 USD ▪ Các trường hợp khác: Miễn phí
2. Rút/tát toán tài khoản	Rút/tát toán tài khoản bằng ngoại tệ mặt USD với nguồn từ ngân hàng khác (bao gồm trong nước và nước ngoài) chuyển về trong vòng 30 ngày	0,15%; Tối thiểu: 2 USD
	Rút/tát toán tài khoản bằng ngoại tệ mặt khác USD với nguồn từ ngân hàng khác (bao gồm trong nước và nước ngoài) chuyển về trong vòng 30 ngày	0,40%; Tối thiểu: 3 USD
	Rút/ tát toán tài khoản trong vòng 02 (hai) ngày kể từ ngày mở tài khoản bằng nguồn tiền mặt/ nộp thêm tiền mặt vào tài khoản	Rút VND: 0,03%; Tối thiểu 20.000 VND Rút ngoại tệ: 0,03%; Tối thiểu 2 USD (nhận bằng ngoại tệ)
	Các trường hợp khác	Miễn phí
3. Các giao dịch khác	Sao kê tài khoản	In giao dịch phát sinh của tháng hiện tại và tháng liền trước tháng hiện tại: Miễn phí In giao dịch phát sinh trong các trường hợp còn lại: 3.000 VND/Trang, Tối thiểu 10.000 VND.
	Cung cấp bản sao chứng từ, chứng từ giao dịch điện tử	3.000 VND/ Trang Tối thiểu 10.000 VND
	Xác nhận số dư tài khoản/có tài khoản	10.000 VND/ Bản Tối thiểu 30.000 VND
	Thay đổi thông tin cá nhân	Miễn phí
	Chứng nhận việc khách hàng ủy quyền sử dụng tài khoản	50.000 VND /Lần/ tài khoản
	Giải quyết hồ sơ thửa kẽ	100.000 VND /01 bộ hồ sơ
	Phong tỏa/tạm khóa tài khoản để đi vay tổ chức tín dụng khác	300.000 VND /giao dịch phong tỏa/tạm khóa
	Phong tỏa/tạm khóa vì lý do khác	Miễn phí
	Chuyển quyền sở hữu thẻ tiết kiệm/giấy tờ có giá	100.000VND/ thẻ hoặc giấy tờ
	Thông báo mất thẻ tiết kiệm/giấy tờ có giá	100.000VND/ thẻ hoặc giấy tờ

GHI CHÚ

1. Các mức phí quy định tại biểu phí chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT). Khi thu phí dịch vụ, Vietcombank sẽ tính và thu thuế VAT theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Đối với mức phí quy định theo tỷ lệ % thì phí thu được tính theo tỷ lệ % x giá trị giao dịch tương ứng.
3. Mức phí quy định trong biểu phí chưa bao gồm các khoản phí (điện phí, bưu phí, thuế, phí dịch vụ...) phải trả cho các đơn vị và/hoặc các ngân hàng khác cùng tham gia cung ứng dịch vụ. Vietcombank sẽ thu các khoản phí này (nếu phát

sinh) cùng với Phí dịch vụ tương ứng theo Biểu phí của Vietcombank.

4. Các giao dịch liên quan đến việc sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định Quản lý Ngoại hối hiện hành của nhà nước.
5. Khách hàng có thể trả phí dịch vụ bằng VND đối với các khoản phí được thu bằng ngoại tệ theo tỷ giá do Vietcombank công bố tại thời điểm thu phí.
6. Trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ giao dịch hoặc khách hàng ngưng sử dụng dịch vụ trước hạn hoặc giao dịch không được thực hiện vì sai sót không phải do lỗi của VCB gây ra, Vietcombank không hoàn lại phí dịch vụ và các khoản phí khác (điện phí, bưu phí, thuế, phí dịch vụ ... phải trả các đơn vị/ngân hàng khác) đã thu.
7. Ngoại tệ nhỏ lẻ là các tờ tiền ngoại tệ có mệnh giá từ 20 đơn vị tiền tệ trở xuống.
8. N/A: Không áp dụng.
9. Vietcombank có thể thay đổi Biểu phí dịch vụ dành cho khách hàng cá nhân mà không cần báo trước với khách hàng, trừ khi có thoả thuận khác.